

Deloitte®

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÀNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO TÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 25

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Lộc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2011, miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Bà Nguyễn Thị Dịu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Thế Phượng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Yoshimi Takahashi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Kenichi Abe	Thành viên
Ông Megumu Motohisa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Đặng Lưu Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Đặng Hoàng Tùng	Giám đốc Điều hành (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)
Ông Nhâm Hà Hải	Giám đốc Đầu tư (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2012)

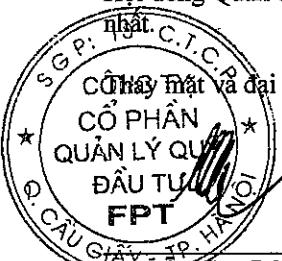
TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp



Nguyễn Văn Lộc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Số: 08 /Deloitte-AUDHN-RE

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông,**
Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT (FPT Capital)

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013 từ trang 5 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị tại trang 2, Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Hội đồng Quản trị cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

- Như trình bày tại Thuyết minh số 24, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản đặt cọc dùng nguồn vốn ủy thác của khách hàng để ủy thác môi giới thu mua trái phiếu tại một Công ty chứng khoán với tổng số tiền là 58.391.664.666 đồng đã quá hạn thu hồi. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thông báo cho cơ quan công an, đồng thời, một trong các khách hàng ủy thác của Công ty đã có công văn yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền nhận ủy thác nêu trên. Tuy nhiên, tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên chưa thống nhất được liệu trong trường hợp không thể thu hồi khoản tiền đặt cọc tại Công ty chứng khoán nêu trên, Công ty có phải bồi thường cho khách hàng hay không cũng như số tiền cụ thể mà Công ty có thể phải hoàn trả. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá giá trị tồn thắt và công nợ tiềm tàng phát sinh từ các giao dịch này đến báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 10, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư Đầu tư dài hạn khác của Công ty bao gồm 500.000 cổ phiếu của một công ty cổ phần chưa niêm yết với giá gốc đầu tư là 25.500.000.000 đồng. Hiện không có thông tin để tham khảo giá giao dịch cổ phiếu này trên thị trường và Công ty cũng không thu thập được báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư. Các thỏa thuận khác cho thấy rủi ro tài chính liên quan tới khoản đầu tư này phụ thuộc vào tình hình tài chính của đơn vị nhận đầu tư và khả năng thực hiện cam kết từ phía đối tác. Chúng tôi không thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá giá trị tồn thắt của khoản đầu tư này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư phải thu dài hạn khác của Công ty bao gồm 151.073.117.702 đồng cho vay một công ty để thực hiện dự án bất động sản. Hiện dự án này đang gặp khó khăn về tài chính và Công ty không chắc chắn về khả năng thu hồi khoản cho vay này. Chúng tôi không thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá giá trị tồn thắt của khoản cho vay này.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

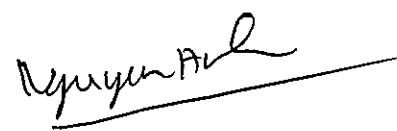
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề hạn chế nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N. 1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN $(100=110+120+130+140+150)$	100		171.183.012.912	144.250.464.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	37.464.831.868	4.687.178.200
1. Tiền	111		6.934.831.868	4.687.178.200
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.530.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	73.192.473.123	90.806.344.036
1. Đầu tư ngắn hạn	121		93.387.607.554	90.806.344.036
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(20.195.134.431)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.533.611.575	47.652.756.249
1. Phải thu khách hàng	131		49.400.000	180.513.755
2. Trả trước cho người bán	132		1.630.626.240	1.827.879.143
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	5.833.243.255	7.934.646.949
4. Các khoản phải thu khác	135	7	57.087.771.602	37.709.716.402
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(5.067.429.522)	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.264.657	24.341.303
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		987.831.689	1.079.844.883
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		310.278.282	526.036.380
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		282.224.459	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		268.472.948	22.932.127
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		126.856.000	530.876.376
B. TÀI SẢN DÀI HẠN $(200 = 210+220+250+260)$	200		181.850.497.009	253.694.088.179
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		149.919.513.880	158.986.506.701
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	151.870.273.971	158.986.506.701
2. Dự phòng phải thu khó đòi			(1.950.760.091)	-
II. Tài sản cố định	220		165.395.899	288.430.452
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	165.395.899	286.208.244
- Nguyên giá	222		646.445.555	741.293.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(481.049.656)	(455.085.277)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	2.222.208
- Nguyên giá	228		20.000.000	20.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.000.000)	(17.777.792)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	30.359.821.660	92.210.782.100
1. Đầu tư dài hạn khác	258		30.911.290.000	112.391.188.323
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài	259		(551.468.340)	(20.180.406.223)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.121.065.570	1.923.668.926
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		385.435.664	902.732.555
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		331.985.000	302.500.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		403.644.906	718.436.371
V. Lợi thế thương mại			284.700.000	284.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		353.033.509.921	397.944.552.850

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

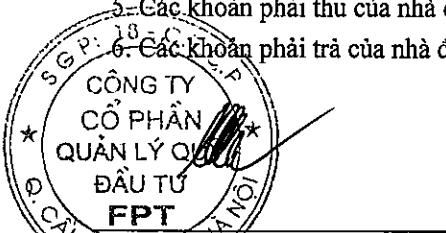
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		195.770.182.701	214.113.478.358
I. Nợ ngắn hạn	310		195.769.327.956	214.112.623.613
1. Vay ngắn hạn	311	11	174.665.491.530	184.618.775.264
2. Phải trả người bán	312		169.428.787	55.710.193
3. Người mua trả tiền trước	313		-	26.993.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	410.355.485	5.656.140.621
5. Phải trả người lao động	315		227.100.000	15.567.628
6. Chi phí phải trả	316		18.669.716.221	16.379.068.930
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.316.765.613	7.013.332.073
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		310.470.320	347.035.904
II. Nợ dài hạn	330		854.745	854.745
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		854.745	854.745
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.263.327.220	183.831.074.492
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	110.000.000.000	110.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.110.000	15.110.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(639.210.000)	(639.210.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.887.427.220	74.455.174.492
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		353.033.509.921	397.944.552.850

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	16.429.670.000	6.409.310.000
- <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	16.429.670.000	6.409.310.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	54.872.960.000	89.209.990.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	18.577.993.082	5.663.862.010
- <i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	031	18.137.436.601	5.663.011.390
- <i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>	032	440.556.481	850.620
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	840.374.074.679	1.541.635.912.540
- <i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	041	829.299.705.442	1.498.954.400.552
- <i>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>	042	11.074.369.237	42.681.511.988
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	324.605.410.104	1.008.780.883.961
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	5.811.769.343	13.272.504.890



Nguyễn Văn Lộc
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 20 tháng 3 năm 2013

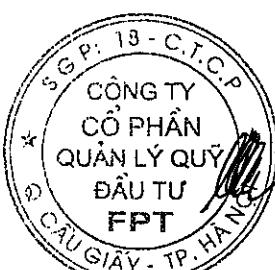
Vũ Hoài Anh
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 02-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012		2011
1. Doanh thu	01	14	39.178.548.914		51.147.296.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		39.178.548.914		51.147.296.580
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	15	3.904.915.279		5.800.773.081
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		35.273.633.635		45.346.523.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	25.987.999.376		60.725.840.919
7. Chi phí tài chính	22	17	72.400.055.000		69.911.602.027
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	12.510.669.069		8.311.774.384
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		(23.649.091.058)		27.848.988.007
10. Thu nhập khác	31		388.077.702		33.090.308
11. Chi phí khác	32		1.686.783.083		73.679.475
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(1.298.705.381)		(40.589.167)
13. Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(24.947.796.439)		27.808.398.840
14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.349.435.833		8.005.404.301
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	(29.485.000)		(302.500.000)
16. (Lỗ)/ Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(26.267.747.272)		20.105.494.539
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.400)		1.837



Nguyễn Văn Lộc
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Vũ Hoài Anh
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu

Lưu ý

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 03-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	40.907.386.507	54.391.870.793
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(2.981.186.644)	113.353.526.246
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.884.972.088)	(5.999.717.136)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.962.916.667)	(28.695.642.793)
5. Tiền chi nộp thuê thu nhập doanh nghiệp	05	(6.430.907.216)	(15.059.050.025)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	89.371.971.692	15.092.940.633
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(90.342.726.966)	(6.553.684.480)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>22.676.648.618</i>	<i>126.530.243.238</i>
II. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.000.000)	(226.299.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	198.000.000	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.982.669.758)	(132.649.164.772)
4. Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26	31.565.104.300	218.568.634.316
5. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia	27	11.840.570.508	2.883.148.151
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>27.601.005.050</i>	<i>88.576.318.095</i>
III. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.000.000.000	827.139.583.333
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.500.000.000)	(1.043.806.991.178)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.648.991.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(17.500.000.000)</i>	<i>(224.316.398.845)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>32.777.653.668</i>	<i>(9.209.837.512)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.687.178.200	13.897.015.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	37.464.831.868	4.687.178.200



Nguyễn Văn Lộc
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Vũ Hoài Anh
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ ĐẦU TƯ FPT
Tầng 8, Tòa nhà TTC, đường Duy Tân, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

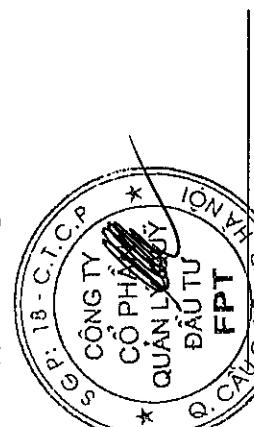
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ 05-CTQ
Đơn vị tính: 000'VNĐ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng giảm		Số dư cuối năm		
	Thuỷết minh	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm nay	Giảm (*)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	110.000.000	110.000.000	-	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		15.110	15.110	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quý		(639.210)	(639.210)	-	-	-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)		62.711.180	74.455.174	20.105.495	(8.361.500)	(26.267.747)	(300.000)
Cộng	172.087.080	183.831.074	20.105.495	(8.361.500)	(26.267.747)	(300.000)	183.831.074
							157.263.327

(*) Phí phát sinh giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thể hiện số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 300.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 4 năm 2012.



Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Văn Lộc

Vũ Hoài Anh
Kế toán trưởng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT (FPT Capital) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 7 năm 2012 về việc bổ sung nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 4 công ty con thuộc sở hữu 100% vốn (trực tiếp và gián tiếp) với tổng vốn đầu tư là 55.042.334.373 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 4 công ty con với tổng vốn đầu tư là 55.042.334.373 VND). Các công ty con bao gồm: Công ty TNHH MTV MZ, Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư CF, Công ty TNHH Đầu tư FC và Công ty Cổ phần Đầu tư FF. Các hoạt động chính trong năm của các công ty con này là kinh doanh chứng khoán, tư vấn và khai khoáng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 26 người), trong đó 4 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
Bà Vũ Hoài Anh	000796/QLQ	14/11/2011
Bà Đồng Thị Khánh Ngọc	000794/QLQ	14/11/2011
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	000795/QLQ	14/11/2011
Ông Lương Quốc Lân	000612/QLQ	14/04/2010

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty tham khảo theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể trên thị trường không chính thức (OTC), giá chứng khoán được Công ty đánh giá căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế tới kỳ gần nhất, cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo và thông tin đáng tin cậy về các giao dịch thành công gần ngày báo cáo.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận nội bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Thiết bị văn phòng

Năm 2012
Số năm
3

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê dịch vụ và chi phí lắp đặt văn phòng.

Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí lắp đặt văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ 09-CTQ****3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của các cổ đông tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán, các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính*Hoạt động tự doanh chứng khoán*

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở đòn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	74.618.109	13.357.874
Tiền gửi ngân hàng	6.860.213.759	4.673.820.326
Các khoản tương đương tiền	30.530.000.000	-
	37.464.831.868	4.687.178.200

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành (i)	2.622.075	42.331.979.881	3.224.352	52.055.413.532
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Phù Yên (ii)	207.321	2.073.206.840	207.294	2.073.206.840
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Đất Xanh	873.850	15.179.507.591	2.111.453	36.677.723.664
- Công ty Cổ phần Âu Lạc	20.000	1.360.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	769.117	16.442.913.242	-	-
- Công ty Cổ phần cơ điện Việt Nam	-	16.000.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(20.195.134.431)	-	-
	73.192.473.123			90.806.344.036

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không xác định được giá của cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán chưa niêm yết do không có giao dịch tham chiếu. Tuy nhiên, hiện Hoàng Thành đã có phương án chia cổ tức cho một phần trong số lượng cổ phiếu kể trên với mức bình quân cao hơn giá gốc. Nguồn tài chính để thực hiện phương án này phụ thuộc vào khả năng phía đối tác thanh toán nốt cho Hoàng Thành giá trị chuyên nhượng dự án bất động sản. Hội đồng Quản trị tin tưởng vào khả năng thành công của việc chuyển nhượng nói trên cũng như phương án chia cổ tức và không trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.
- (ii) Mặc dù, Công ty và các công ty con nắm cổ phần chi phối tại công ty này nhưng do việc nắm giữ là ngắn hạn cho mục đích kinh doanh nên quyền kiểm soát có được chỉ là tạm thời, Công ty không ghi nhận đây là khoản đầu tư vào công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Thể hiện giá trị phải thu từ phí quản lý danh mục đầu tư.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Loans (*)	39.323.020.786	37.099.583.333
Others	17.764.750.816	610.133.069
	57.087.771.602	37.709.716.402

(*) Đây là khoản cho vay một cá nhân là bên liên quan được đảm bảo bằng 1.500.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần FPT. Hội đồng Quản trị đã đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi khoản cho vay này.

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho vay (*)	151.073.117.702	158.897.316.529
Khác	797.156.269	89.190.172
	151.870.273.971	158.986.506.701

(*) Bao gồm 151.073.117.702 đồng cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bất động sản FR để thực hiện dự án bất động sản. Hiện dự án này đang gấp khó khăn về tài chính và khoản cho vay này đã quá hạn và được ngừng dự thu. Công ty không chắc chắn về khả năng thu hồi khoản cho vay này.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	741.293.521
Tăng trong năm	30.943.104
Giảm trong năm	<u>(125.791.070)</u>
Tại ngày 31/12/2012	646.445.555
KHẨU HAO LÚY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	455.085.277
Khấu hao trong năm	135.037.449
Giảm trong năm	<u>(109.073.070)</u>
Tại ngày 31/12/2012	481.049.656
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	165.395.899
Tại ngày 31/12/2011	<u>286.208.244</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tỷ lệ đầu tư (%)	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Âu Lạc	-	-	20.000	1.360.000.000
Công ty Cổ phần Nông hải súc sản Sài Gòn	-	-	710.000	21.561.334.950
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong (*)	0,52	1.612.900	161.290.000	23.794.978.000
Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	-	-	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	-	-	88.054	18.824.875.373
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	-	-	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Đầu tư Bất động sản FR	16,98	525.000	5.250.000.000	500.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai (**)	82,49	500.000	25.500.000.000	500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(551.468.340)	(20.180.406.223)
	100,00	30.359.821.660		92.210.782.100

(*) Tại ngày 23/12/2012, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 1.612.900 cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong với giá gốc đầu tư 23.794.978.000 đồng cho ông Ngô Văn Vương với giá 161.290.000 đồng (tương đương 100đ/cổ phiếu). Tại ngày 06/12/2012, ông Ngô Văn Vương chuyển nhượng toàn bộ 1.612.900 cổ phiếu này cho công ty TNHH Đầu tư FC, một công ty con của Công ty, với giá 100 đ/cổ phiếu. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng các giao dịch này là phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, không có ảnh hưởng về chuyển giá và giao dịch nội bộ.

(**) Khoản đầu tư này có nguồn gốc từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh Gia Lai (HAG Land). Theo hợp đồng góp vốn cổ phần giữa Công ty, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai (HAG Rubber) và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG), toàn bộ số lượng cổ phiếu HAG Land đã được góp vốn vào HAG Rubber theo giá trị được thống nhất là 51.000 đồng/cổ phiếu. Hiện không có thông tin để tham khảo giá giao dịch cổ phiếu này trên thị trường và HAG Rubber cam kết sẽ niêm yết cổ phiếu trước ngày 15 tháng 8 năm 2015. Trong trường hợp HAG Rubber không niêm yết như cam kết, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG) có nghĩa vụ mua lại toàn bộ số cổ phiếu HAG Rubber với giá mua bằng tổng giá trị vốn Công ty đã góp cộng với tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) là 20%. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày HAG Rubber niêm yết, ông Đoàn Nguyên Đức, chủ tịch HAG, cam kết mua lại lượng cổ phiếu HAG Rubber này nếu được yêu cầu với giá mua bằng tổng giá trị vốn Công ty đã góp cộng với tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) là 10%. Theo đó, rủi ro tài chính liên quan tới khoản đầu tư này phụ thuộc vào tình hình tài chính của đơn vị nhận đầu tư và khả năng thực hiện cam kết từ phía đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

11. VAY NGÂN HẠN

	Lãi suất %/năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần FPT (*)	14,00	174.665.491.530	152.776.944.445
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNStockmart	23,40	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thương mại P&N	16,50	-	18.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư GSD	0,00	-	2.941.830.819
		174.665.491.530	184.618.775.264

(*) Thể hiện khoản vay đã được gia hạn từ Công ty Cổ phần FPT, cụ thể:

- 135.714.734.954 đồng vay từ Công ty Cổ phần FPT. Số tiền này hiện dùng để cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính bất động sản FR để thực hiện dự án bất động sản như trình bày ở Thuyết minh số 8.
- 38.950.756.576 đồng vay từ Công ty Cổ phần FPT. Số tiền này hiện dùng để cho vay một cá nhân như trình bày ở Thuyết minh số 7.

Công ty chịu rủi ro hoàn toàn đối với các khoản vay này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	304.861.631	5.315.883.512
Thuế thu nhập cá nhân	100.019.216	340.257.109
Thuế GTGT phải nộp	5.474.638	-
	410.355.485	5.656.140.621

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP ngày 25 tháng 7 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 VND. Mệnh giá mỗi cổ phiếu của Công ty là 10.000 VND. Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Cổ đông	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Cổ đông sáng lập	29.550.000.000	27	29.550.000.000	27
Cổ đông pháp nhân	27.500.000.000	25	27.500.000.000	25
Cổ đông thẻ nhân	2.050.000.000	2	2.050.000.000	2
Cổ đông phổ thông	80.450.000.000	73	80.450.000.000	73
	110.000.000.000	100	110.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	32.000.000.000	32.000.000.000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	6.684.620.684	13.382.451.144
Doanh thu từ phí thường hoạt động	-	2.771.977.775
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.904.630.291
Khác	493.928.230	88.237.370
	39.178.548.914	51.147.296.580

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012 VND	2011 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	3.189.431.268	4.247.844.936
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	715.484.011	1.552.928.145
	3.904.915.279	5.800.773.081

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	12.613.605.721	50.032.074.395
Lãi đầu tư tài chính	1.533.823.147	8.090.191.834
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.840.570.508	2.603.571.196
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.494
	25.987.999.376	60.725.840.919

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	27.656.264.355	3.171.704.622
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	14.390.446.148	19.002.973.655
Lãi tiền vay	30.250.306.402	46.599.069.338
Chi phí tài chính khác	103.038.095	1.137.854.412
	72.400.055.000	69.911.602.027

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên	2.174.056.435	1.871.736.111
Chi phí công cụ làm việc	40.373.538	135.841.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.259.657	137.063.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.104.753.645	5.841.742.863
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.067.429.522	-
Chi phí khác	36.036.181	325.390.022
	10.559.908.978	8.311.774.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	(24.947.796.439)	27.808.398.840
<i>Trong đó:</i>		
Tổng lợi nhuận trước thuế	18.273.161.496	30.244.787.851
Tổng lỗ trước thuế	(23.176.552.640)	(2.436.389.011)
<i>Điều chỉnh</i>		
Thu nhập không chịu thuế	14.018.531.412	2.603.571.196
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.143.113.248	422.317.380
Thu nhập chịu thuế	5.397.743.332	28.063.534.035
Chênh lệch tạm thời giữa chi phí thuế và kế toán	-	(1.210.000.000)
<i>Thuế suất</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.349.435.833	7.015.883.509
Tính thêm thuế phải nộp các năm trước	-	989.520.792
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.349.435.833	8.005.404.301
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(29.485.000)	(302.500.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.319.950.833	7.702.904.301

20. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tổng số Danh mục đầu tư chứng khoán đang quản lý là 29. Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, Bên đầu tư cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

Báo cáo tài sản và công nợ của các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư tại ngày báo cáo như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

20. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM (Tiếp theo)

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản		
Tiền gửi của người ủy thác đầu tư	18.577.993.082	5.663.862.010
Đầu tư ngắn hạn	819.374.074.680	1.520.713.492.940
- <i>Chứng khoán niêm yết</i>	<i>325.166.009.409</i>	<i>496.555.903.158</i>
- <i>Chứng khoán chưa niêm yết</i>	<i>483.946.325.034</i>	<i>707.288.706.794</i>
- <i>Trái phiếu</i>	<i>-</i>	<i>200.000.000.000</i>
- <i>Chứng quyền</i>	<i>-</i>	<i>75.000.000.000</i>
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>10.261.740.237</i>	<i>41.868.882.988</i>
Đầu tư dài hạn	21.000.000.000	20.922.419.600
Phải thu của người ủy thác đầu tư	276.999.410.104	398.435.805.757
	1.135.951.477.866	1.945.735.580.307
Công nợ		
Gốc hợp đồng ủy thác đầu tư	1.168.349.529.485	2.537.025.954.124
Lãi ủy thác đầu tư	9.396.179.038	5.782.199.497
Phải trả người bán chứng khoán	(47.606.000.000)	(605.407.268.120)
Phí quản lý, phí giám sát	5.811.769.343	8.334.694.806
	1.135.951.477.866	1.945.735.580.307

Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán

Hiện tại Công ty đang thực hiện quản lý Quỹ thành viên Việt Nhật do Tập đoàn SBI Nhật Bản và Tập đoàn FPT đồng sáng lập với vốn điều lệ là 1.600 tỷ VND.

Theo Điều lệ quỹ (“Điều lệ”), Công ty được ủy quyền thay mặt chủ đầu tư thực hiện tất cả các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu được quy định trong Điều lệ. Ngân hàng lưu ký thực hiện quản lý tiền và các khoản đầu tư của Quỹ là Deutsche Bank.

Trong năm 2009, Công ty đã đúng tên chủ sở hữu để thành lập các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau:

Tên công ty	Giấy đăng ký kinh doanh	Ngày đăng ký kinh doanh	Vốn đầu tư (VND)
Công ty TNHH VG	0104006501	22/5/2009	110.200.000.000
Công ty TNHH JB	0104006502	22/5/2009	98.000.000.000
Công ty TNHH SP	0104006500	22/5/2009	85.800.000.000
Công ty TNHH FD	0104006497	22/5/2009	76.000.000.000
Cộng			370.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT

Tầng 8, Tòa nhà TTC, đường Duy Tân, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ**20. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM (Tiếp theo)**

Trong năm 2012, các công ty trên đã thực hiện tăng vốn điều lệ, chi tiết như sau:

Tên công ty	Mã số doanh nghiệp	Ngày sửa đổi đăng ký kinh doanh	Vốn đầu tư (VND)
Công ty TNHH VG	0103859019	18/01/2013	234.020.000.000
Công ty TNHH JB	0103858939	18/01/2013	208.200.000.000
Công ty TNHH SP	0103859139	18/01/2013	181.850.000.000
Công ty TNHH FD	0103859040	18/01/2013	161.330.000.000
Cộng			785.400.000.000

Các công ty này được thành lập từ nguồn vốn đầu tư của Quỹ đầu tư Việt Nhật theo Nghị quyết của Hội đồng đầu tư ngày 22/5/2009 ("Nghị quyết"). Theo quy định trong Điều lệ và Nghị quyết trên thì mọi lợi ích và rủi ro, nghĩa vụ phát sinh từ các công ty trên sẽ do Quỹ đầu tư Việt Nhật hưởng và gánh chịu. Theo đó, các khoản vốn góp thành lập các công ty này không được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và các số liệu liên quan đến tình hình tài chính của các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê văn phòng làm việc tại Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.068.306.624	1.772.296.176
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.273.226.496	4.122.841.296
Sau năm năm		

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ Dư VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (chủ yếu là với một cổ đông sáng lập và các bên liên quan của cổ đông này):

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu phí ủy thác đầu tư	2.526.442.924	11.000.245.752
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	27.819.021.992	45.124.876.282

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan (chủ yếu là với một cổ đông sáng lập và các bên liên quan của cổ đông này) như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Quản lý vốn ủy thác đầu tư	590.693.071.745	1.936.472.130.877
Các khoản vay ngắn hạn	174.665.491.530	174.665.491.530
Cho các cá nhân có liên quan vay	39.323.020.786	37.099.583.333
Đặt cọc tiền để mua chứng khoán của các cá nhân liên quan cho nhà ủy thác đầu tư	-	462.549.078.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phát sinh trong năm:

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.680.300.000	1.818.045.173

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.464.831.868	4.687.178.200
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	73.192.473.123	90.806.344.036
Các khoản phải thu ngắn hạn	57.902.985.335	45.824.877.106
Phải thu dài hạn khác	149.919.513.880	158.986.506.701
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.359.821.660	92.210.782.100
	348.839.625.866	392.515.688.143
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	174.665.491.530	184.618.775.264
Phải trả người bán	169.428.787	55.710.193
Chi phí phải trả	18.669.716.221	16.379.068.930
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.316.765.613	7.013.332.073
	194.821.402.151	208.066.886.460
Chênh lệch thanh khoản thuần	154.018.223.715	184.448.801.683

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ 09-CTQ****23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có khoản mục nào có gốc ngoại tệ ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chia sẻ chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chia sẻ chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.464.831.868	-	37.464.831.868
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	73.192.473.123	-	73.192.473.123
Các khoản phải thu ngắn hạn	57.902.985.335	-	57.902.985.335
Phải thu dài hạn khác	-	149.919.513.880	149.919.513.880
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	30.359.821.660	30.359.821.660
Tổng cộng	168.560.290.326	180.279.335.540	348.839.625.866
31/12/2012			
Vay ngắn hạn	174.665.491.530	-	174.665.491.530
Phải trả người bán	169.428.787	-	169.428.787
Chi phí phải trả	18.669.716.221	-	18.669.716.221
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	1.316.765.613	-	1.316.765.613
Tổng cộng	194.821.402.151	-	194.821.402.151
Chênh lệch thanh khoản thuần	(26.261.111.825)	180.279.335.540	154.018.223.715
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.687.178.200	-	4.687.178.200
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	90.806.344.036	-	90.806.344.036
Các khoản phải thu ngắn hạn	45.824.877.106	-	45.824.877.106
Phải thu dài hạn khác	-	158.986.506.701	158.986.506.701
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	92.210.782.100	92.210.782.100
Tổng cộng	141.318.399.342	251.197.288.801	392.515.688.143
31/12/2011			
Vay ngắn hạn	184.618.775.264	-	184.618.775.264
Phải trả người bán	55.710.193	-	55.710.193
Chi phí phải trả	16.379.068.930	-	16.379.068.930
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	7.013.332.073	-	7.013.332.073
Tổng cộng	208.066.886.460	-	208.066.886.460
Chênh lệch thanh khoản thuần	(66.748.487.118)	251.197.288.801	184.448.801.683

Hội đồng Quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản đặt cọc dùng nguồn vốn ủy thác của khách hàng để ủy thác môi giới thu mua trái phiếu tại một công ty chứng khoán với tổng số tiền là 58.391.664.666 đồng đã quá hạn thu hồi. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thông báo cho cơ quan công an để hỗ trợ thu hồi, đồng thời, một trong các khách hàng ủy thác của Công ty đã có công văn yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền nhận ủy thác nêu trên. Tuy nhiên, tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên chưa thông nhất được liệu trong trường hợp không thể thu hồi khoản tiền đặt cọc tại Công ty chứng khoán đó, Công ty có phải bồi thường cho khách hàng hay không, cũng như số tiền cụ thể mà Công ty có thể phải hoàn trả. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng, rủi ro phát sinh từ các giao dịch này do Bên ủy thác (khách hàng) chịu và Công ty sẽ không phải chịu rủi ro tài chính liên quan tới các giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ 09-CTQ

24. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

Ngày 13 tháng 02 năm 2012, một trong những khách hàng ủy thác, Công ty TNHH Đầu tư FPT, đã có Công văn yêu cầu Công ty hoàn trả gốc và lãi phát sinh liên quan tới số dư ủy thác nêu trên với số dư gốc là 42.656.497.764 đồng và lãi lũy kế là 9.930.436.938 đồng. Tuy nhiên, theo số liệu của Công ty, số dư gốc ủy thác còn lại là 33.775.051.776 đồng. Toàn bộ số tiền này trước đó, vào ngày 30 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty Cổ phần FPT chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư FPT và hiện đang được Công ty TNHH Đầu tư FPT ủy thác cho Công ty quản lý theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 112/FPTC-2011-UTĐT ngày 30 tháng 12 năm 2011. Hiện, hợp đồng ủy thác liên quan chưa đến hạn và Công ty chưa hoàn trả số tiền kể trên.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết yêu cầu:

- Chuyển giao toàn bộ phần vốn FPT Capital sở hữu tại Công ty TNHH Một thành viên MZ sang cho đối tác.
- Công ty TNHH Đầu tư FC (một công ty con của Công ty) chấm dứt trách nhiệm và quyền lợi tại các dự án mỏ.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Trong năm, do thay đổi mục đích nắm giữ, một số khoản đầu tư đã được phân loại lại. Chi tiết các khoản đầu tư trọng yếu được phân loại lại trong năm như sau:



Nguyễn Văn Lộc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

	Phân loại	
	Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2012	Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2011
Khoản đầu tư		
- Công ty Cổ phần Âu Lạc	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đầu tư tài chính dài hạn
- Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đầu tư tài chính dài hạn
- Công ty Cổ phần cơ điện Việt Nam	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đầu tư tài chính dài hạn
Khoản phải thu		
- Công ty Cổ phần khoáng sản Phù Yên	Phải thu ngắn hạn khác	Phải thu dài hạn khác
- Công ty Cổ phần cơ điện Việt Nam	Phải thu ngắn hạn khác	Phải thu dài hạn khác

Vũ Hoài Anh

Vũ Hoài Anh
Kế toán trưởng
Người lập biểu
